TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 3- 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích và ông Phùng Văn Thị

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa***: bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 204/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
Bị đơn: Anh Mai Đức P, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
(Chị T và anh P có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thanh T trình bày:

Chị và anh Mai Đức P tự nguyện kết hôn 01/01/2014 tại UBND xã T3 (nay là xã H), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại khu B xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 hai vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn do anh P đi làm khi về thường gây khó dễ chửi mắng đánh và đuổi chị ra khỏi nhà. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Hai vợ chồng chị đã sống ly thân được khoảng 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm không còn, chị T1 xin được ly hôn với anh P1

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là cháu Mai Đức L, sinh ngày 23/07/2014. Khi ly hôn chị T xin được chăm sóc nuôi dưỡng cháu L1 chị T1 không yêu cầu anh P2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Mai Đức P3 trình bày:

Quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thanh T2 về điều kiện kết hôn, ngày, địa điểm đăng ký kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị T2 đã trình bày. Theo anh P3 thì trong cuộc sống hàng ngày hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhưng không đến mức phải ly hôn. Nay nếu chị T2 cương quyết xin ly hôn, anh P3 cũng nhất trí ly hôn với chị T2.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thanh T2 đã có với nhau 01 con chung, về họ tên, ngày sinh con chung như chị T2 đã trình bày là đúng. Nếu vợ chồng ly hôn, anh P3 xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Mai Đức L2 và không yêu cầu chị T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thanh T2 và anh Mai Đức P3.

+ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thanh T2 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Đức L2, sinh ngày 23/7/2014. Anh P3 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T2 do chị T2 không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: không xem xét giải quyết do đương sự xác định không có, không yêu cầu.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: Chị T2 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thanh T2 và anh Mai Đức P3 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh P3 có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Nguyễn Thanh T2 và anh Mai Đức P3 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã H), huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 01/01/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn nhau trong sinh hoạt hàng ngày. Chị T2 và anh P3 đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay, chị T2 đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, không ai quan tâm đến ai. Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T2 và anh P3 không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị T2 và anh P3 đã thỏa thuận thuận tình ly hôn. Xét nên xử công nhận thuận tình ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị T2 và anh P3 có 01 con chung là cháu Mai Đức L2, sinh ngày 23/7/2014. Chị T2 và anh P3 đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung.

Xét về điều kiện nuôi con: Tại phiên tòa, anh P3 trình bày và thừa nhận, trong thời gian vợ chồng sống ly thân năm 2022, anh thường xuyên đi làm ăn xa tại Quảng Ninh, việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung anh nhờ bố mẹ anh (là ông bà nội của cháu) đảm nhiệm. Kể từ 20/02/2023 đến nay, anh đã xin nghỉ việc về địa phương và đang chờ xin việc làm. Chị T2 đã xuất trình tài liệu chứng cứ hiện nay chị T2 đang có công việc ổn định (làm công nhân), có thu nhập hàng tháng bình quân từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ và sinh sống tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương, chính quyền địa phương cho biết hiện nay anh P3 thường xuyên đi làm ăn xa, việc trực tiếp nuôi cháu L2 do bố mẹ anh P3 là người trực tiếp chăm sóc cháu. Chị T2 hiện đang sinh sống tại địa phương, có công việc và thu nhập ổn định, có điều kiện để trực tiếp chăm sóc cháu. Vì vậy xét giao cho chị T2 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp, anh P3 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T2 không yêu cầu.

* Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T2 tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thanh T2 và anh Mai Đức P3.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thanh T2 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Đức L2, sinh ngày 23/7/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Anh P3 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T2. Anh P3 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thanh T2 tự nguyện nộp cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003541 ngày 20/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Xác nhận chị T2 đã nộp đủ tiền án phí.

Chị T2, anh P3 có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND xã Hanh Cù.
- Lưu HS; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thanh Loan